

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 4 - 2024

“V/v tranh chấp về nuôi con giữa nam,
nữ chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tím

2. Ông Kim Diễm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:**
Ông Trầm Văn Mừng – Kiểm sát viên.

- **Cán bộ hỗ trợ kỹ thuật tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Trà Cú:** Ông Quách Trương L – Nhân viên lái xe, Công tác tại Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

- **Hỗ trợ hỗ trợ kỹ thuật tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân xã A:**
Ông Trần Văn T - Thẩm phán sơ cấp, công tác tại Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “tranh chấp về nuôi con giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lưu Thị Ngọc T1, sinh ngày 01/01/1988; địa chỉ ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn S, sinh ngày 16/11/1982; địa chỉ ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2023 của nguyên đơn Lưu Thị Ngọc T1 trình bày: Vào năm 2005, do quen biết nên bà và ông Nguyễn Văn S có tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới bà và ông S cùng sống chung bên cha mẹ ruột của bà tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh cuộc sống chung của vợ chồng rất hạnh phúc và có 02 người con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 12/10/2009. Đến năm 2020 giữa bà và ông S phát sinh mâu thuẫn, do ông S không tôn trọng bà và cha mẹ của bà, thường xuyên kiểm chuyện nặng nề bà và cha mẹ bà. Vì thương con, muốn gìn giữ hạnh phúc gia đình nên bà đã cố gắng chịu đựng, hy vọng sau này ông S sẽ thay đổi tính tình nhưng ông S vẫn không thay đổi. Từ đó cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án không công nhận giữa bà với ông Nguyễn Văn S là vợ chồng; về con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 12/10/2009, thì tùy theo nguyện vọng của 02 người con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, bên còn lại không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày: Vào năm 2005, ông và bà Lưu Thị Ngọc T1 được hai bên gia đình cho phép tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới ông và bà T1 cùng chung sống với gia đình cha mẹ vợ, cuộc sống rất hạnh phúc và có 02 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 12/10/2009. Thời gian gần đây (khoảng năm 2020) thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do bà T1 chi sai tiền bạc của vợ chồng không minh bạch, còn tự ý chuyển nhượng phần đất của vợ chồng, đem tiền cho em vợ để đầu tư tiền ảo bị thua lỗ mà không bàn bạc gì với ông. Mặt khác, quá trình sống chung với cha mẹ vợ thì mẹ vợ thường xuyên không tôn trọng và xúc phạm đến ông từ đó ông đã dọn dẹp đồ đạc ra chòi giữ tôm để sống. Hiện nay phía bà T1 yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông thì ông không có ý kiến; về con chung thì tùy nguyện vọng của hai người con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng; về tài sản chung ông không tranh chấp; về nợ chung không có không yêu cầu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Vào năm 2005, bà Lưu Thị Ngọc T1 và ông Nguyễn Văn S được gia đình hai bên tổ chức đám cưới nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 12/10/2009. Theo quy định của pháp luật Việt Nam thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, việc bà Lưu Thị Ngọc T1 yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn S là có cơ sở chấp nhận; về con chung 02 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 12/10/2009. Hiện hai cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ là bà Lưu Thị Ngọc T1 nên đề nghị giao cho bà T1 được tiếp tục nuôi dưỡng đối với 02 người con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 7, 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc T1

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lưu Thị Ngọc T1 và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 12/10/2009 cho bà Lưu Thị Ngọc T1 được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không tranh chấp không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí phí hôn nhân và gia đình đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc T1 yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn S và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung nên đây là vụ kiện “*Tranh chấp về nuôi con giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn S.

[2] Nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc T1 và bị đơn ông Nguyễn Văn S được gia đình hai bên cho phép tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng ông, bà thừa nhận không đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thấy rằng, mặc dù giữa bà Lưu Thị Ngọc T1 và ông Nguyễn Văn S có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng ông, bà không đi đăng ký hôn theo quy định nên đã vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Do đó, quan hệ giữa bà Lưu Thị Ngọc T1 và ông Nguyễn Văn S không phải là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Lưu Thị Ngọc T1 và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng theo như yêu cầu của bà Lưu Thị Ngọc T1 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Lưu Thị Ngọc T1 và ông Nguyễn Văn S thừa nhận giữa ông, bà có 02 người con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 12/10/2009. Hiện nay cả hai cháu Nguyễn Minh N và Nguyễn Minh T2 đều đã trên 07 tuổi, qua tiếp xúc thì cả hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống và Lưu Thị Ngọc T1. Do đó, tiếp tục giao hai cháu Nguyễn Minh N và Nguyễn Minh T2 cho bà Lưu Thị Ngọc T1 được tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Minh N và Nguyễn Minh T2. Phía bà Lưu Thị Ngọc T1 tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Văn S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 và Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc T1.

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Lưu Thị Ngọc T1 và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 12/10/2009 cho bà Lưu Thị Ngọc T1

được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không tranh chấp nên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Lưu Thị Ngọc T3 phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lưu Thị Ngọc T3 đã nộp trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018348 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên bà Lưu Thị Ngọc T1 không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã An Quảng Hữu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuôn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Diễn

Trần Thị Tím

Thạch Thuôn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Ngọc Châu

Sơn Thị Thiêng

Thạch Thuôn

